

INTAKE FORM (Two Copies),
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : MAI - NGOC - PHACH
Last (Ten No) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 02 12 1948
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Nam Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : Co
(Tinh trang gia dinh)
ADDRESS IN VIETNAM : 15 U Lac - Long - Quan Phuong 5 Quan 11 TP/HO Chi Minh
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) Co No (Khong) _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 11.5.1975 To (Den) : 8-8.1980
PLACE OF RE-EDUCATION : XUYEN MOC
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep) : TU CHUC
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Trung - UY
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : 5 quan dien hau nha vien
Date (nam) : _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : Co No (Khong) : _____
IV Number (So ho so) : Chua
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo) : Hai (02)
(Ten than nhan theo tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 15 U Lac Long Quan Phuong 5 Quan 11
TP/HO Chi Minh
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro) : _____
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu n tai VN) : _____
NAME & SIGNATURE : MAI - NGOC - PHACH [Signature]
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay) _____
DATE : _____
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)



5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

[illegible]

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Saigon 10. 10. 1989.

Thưa Bà.

Tôi tên Mai-ngọc - Phụng, sinh năm 1948,
Hiện ngụ tại 15^U Lạc Long Quân Phường 5 Quận 11 TP/HCM.

Trước đây tôi đã phục vụ trong Quân lực Việt Nam Cộng Hòa
Đo đến ngày 30/4/1975 với cấp bậc Trung úy, chức vụ
Sĩ quan trên hàng nhân viên Trung đoàn 42 Sư đoàn 22 Bộ binh.

Sau 30/4/1975 tôi đã ở theo họ của họ tôi ngày 14.5.75
đến ngày 8/8/1980.

Thời sự biến thiên, giờ đây đứng ngoài thế kỷ và Việt Nam
xét Do thành phần như tôi từng tham gia chiến tranh
nên tạo 'ODP' nên năm 1982 được thôi việc gọi là Sĩ quan
Bangkok, nhưng vẫn nhận được lương của hàng trên (xin trình
kính báo cáo hội báo)

Số hàng hồ sơ của được thời đã bị thất lạc, nên được thời
tên lưu lại một hồ sơ của và đã gọi là Bangkok ngày 10/10/89
Được thời gọi là gọi thành của hàng hiện, được thời được biết
Bà, và xin gửi đến Bà một hồ sơ của hàng mang bà gửi
tổ để hồ sơ của được thời được của rất nhiều hàng và thời
đẹp. Được thời một hàng nhận được thời báo ân của Bà.

Được thời theo hàng ở Bà và dân thành của Bà.

Kính thư.

MĐ

Mai-ngọc Phụng

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet-nam

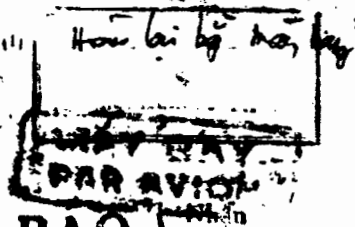
BƯU CHÍNH

Services des Postes



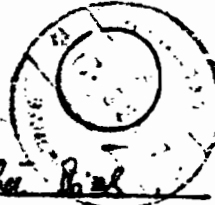
GIẤY BẢO

Avis de (2)



Reception
Trả tiền
Payement

Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy bảo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis



Địa chỉ (Address) Mai - gia - Phai, 15th Phai Phai
Lai - Long - Quan, Quận 11, TP/ Hồ - Chí - Minh
& (à) Việt Nam nước (Pays)

- (1) Nếu giấy bảo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ «Hoàn lại bằng máy bay»
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtrir de la mention très apparente «renvoi par avion»
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh (Par avion).
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue, «Par avion».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Barrer ce qui ne convient pas)
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy bảo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bưu cục gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số
Envoi recommandé

Ký gửi tại Bưu cục
déposé au bureau de poste de

Saigon

ngày
le

5, 8, 1982 19

số

596

sous le no

Địa chỉ người nhận
Adresse du destinataire

131 Saitien Giang, South Sathorn road

Phongkai 12 Thuan An

Chỉ ở Bưu cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày
le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên. Nhật ấn bưu cục nhận
Bưu cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire
Timbre du bureau
destinataire

16 AUG 1982

BÍ CHỮ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền ».
Nếu phát chậm ghi lý do như « người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

CHỨNG THỰC SỐ: /VP/UB

SAO Y BAN CHANH

ĐỀ BỐ TÚC HỒ SƠ

Ngày 6 tháng 10 năm 1989

TRƯỜNG PHƯỜNG Q9.11

CHU TIEN

ỦY VIÊN THƯ KÝ



Phan Tung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020897310

Họ tên: HOÀNG THỊ THỊ



Sinh ngày: 15-7-1959

Nhà ở: quận Cao Xá,

Thị trấn, Hải Hưng.

Môi trường trú: 8/2 An Tôn,

T. Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh Tôn giáo: Thiên chúa

ĐẠI VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách lẹm
dưới sau đuôi mắt
trái.

Ngày 18 tháng 5 năm 1979

TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÒNG PHỎNG CSI

Phong
Mai Văn Tuấn

NGON TỬ TRAI

NGON TỬ PHẢI



CHỨNG THỰC SỞ: VP/UB

SAO V. BAN CHANH

ĐỀ BỐ TUYÊN SỞ

Ngày 6 tháng 6 năm 1989

TM. UBND PHƯỜNG D3.11

CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN TUYÊN KỶ



Phạm Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **070202290**

Họ tên: **MAI NGỌC PHÁCH**

Sinh ngày: **12-02-1948**

Nguyên quán: **Hà Nam Ninh.**

Nơi thường trú: **15V Lạc Long Quân
P.20, Q.11, TP. Hồ Chí Minh**

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chân c, 3cm trên
trước đầu mày phải

29 tháng 5 năm 1904

ĐOÀN QUÂN QUẢN LÝ CÔNG AN



Trần Văn

Chanh Văn



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường 5
Huyện, Quận 11
Tỉnh, Thành phố HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Mẫu TP/HT 3
Số 387
Quyển số 01



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên : MAI NGOC Y Nam hay nữ : NỮ
Ngày, tháng năm sinh : Ba mươi, tháng giêng, một chín tám tám
(30/01/1988)

Nơi sinh : Bệnh viện Hùng Vương
Dân tộc : _____ Quốc tịch : _____

Phân khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên :	<u>HOANG THI THI</u>	<u>MAI NGOC PHACH</u>
Tuổi :	<u>1979</u>	<u>1948</u>
Dân tộc :	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch :	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp :	<u>Bác sĩ</u>	<u>Tổ hợp</u>
Nơi thường trú :	<u>15^H LIG</u>	
	<u>P.5, Q.11</u>	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, giấy chứng minh thư của người đứng khai :

MAI NGOC PHACH

NGƯỜI ĐỨNG KHAI

Đứng ký ngày 11 tháng 02 năm 19 88

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN P.5, Q.11

TL/CT - ỦY VIÊN THƯ KÝ
(bã ký)

PHAM TUNG

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 6 tháng 10 năm 19 89



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Tân Sơn Hòa
Huyện, Quận _____
Tỉnh, Thành phố _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số 597
Quyển số 1959



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên : HOÀNG THỊ THỊ Nam hay nữ : NỮ
Ngày, tháng năm sinh : Mười lăm, tháng bảy, dī năm một ngàn chín trăm năm mươi chín,
Nơi sinh : Tân Sơn Hòa, Gia Định
Dân tộc : _____ Quốc tịch : _____

Phân khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên :	<u>TRẦN THỊ HOÀI</u>	<u>HOÀNG VĂN MẠCH</u>
Tuổi :	<u>27 tuổi</u>	<u>30 tuổi</u>
Dân tộc :		
Quốc tịch :		
Nghề nghiệp :	<u>Làm ruộng</u>	<u>Đưa bán</u>
Nơi thường trú :	<u>Tân Sơn Hòa</u>	<u>Gia Định</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, giấy chứng minh thư của người đứng khai :

HOÀNG VĂN MẠCH

NGƯỜI ĐỨNG KHAI

Đã ký ngày 15 tháng 7 năm 1959

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

(Đã ký)

BỘ MƯU HẢI

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 6 tháng 12 năm 1989

T/M UBND P/T

ký tên, đóng dấu

ỦY VIÊN THỦ KÝ



Phạm Công

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ- PHÁP

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN

TOÀ HOÀ- GIẢI
SAIGON

Lục sao y bản chánh đề tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

Số 3225 (1)

HTBY/10

Ngày 26 tháng 3 năm 1952 (1)

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

MAI NGỌC PHÁCH

Năm một ngàn chín trăm 58 ngày 26 tháng 3 hồi 7 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là **HUYỄN KHÁC DUNG** Chánh-Án Toà Hoà-Giải
Đo-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
phụ - tá
NGUYỄN VĂN KHUÔNG

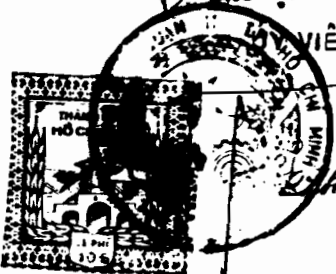
ĐÃ TRÌNH DIỆN :

PHẠM VĂN KHANH

NGUYỄN TIẾN TIẾN

NGUYỄN VĂN QUONG

CHỨNG THỰC SẴ
SAO Y BẢN CHÁNH
ĐỀ BỐ TÚCHỒ SẴ
Ngày 6 tháng 10 năm 1952
TRƯỞNG PHÒNG 3122B
CHỦ TỊCH



Chúng nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

MAI NGỌC PHÁCH

Sinh ngày 12.02.1948 tại An Nghĩa (Bùi Chu),
con của ... và NGUYỄN THỊ NGON;

Và duyền cớ mà khai-sanh được, là vì ... không có thể xin sao-lục

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để sử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,



LỤC-SAO Y,

Saigon, ngày 5 tháng 1 năm 1967

CHÁNH-LỤC-SỰ,

GIÁ TIỀN : 5000

(1) Chi tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.

BÙI-QUANG NAM

U VU VAN THU

VIET NAM CONG HOA
QUAN LUC VIET NAM CONG HOA
QUAN DOAN IT
SU DOAN 22 BO BINH
TRUNG DOAN 42
BO CHI HUY / BAN 1

So : 14035/TRD42/1/BNI

TRICH YEU :- V/v Bo nhien chuc vu Si-quan.

THAM CHIEU :- HTTT so 620-400 ngay 15-02-1965.

I.- De hop thuc hoa, ke tu ngay 16-04-1973 Trung-uy/TB
MAI-NGOC-PHACH Sq. 68/143.145 CNOS : (CV) 330.0 duoc cu
giu chuc vu Si-quan Dieu-hanh nhan vien thuoc Ban 1/TRD42BB.

II.- Su Vu Van Thu nay phai duoc ghi chu va ghop vao ho so ca-
nhân của Si-quan duong-su./-

KDC. 48.42, ngay 01 thang 12 nam 1973

Đại-Ta NGUYEN-HUU-THONG
Trung-Doan Truong Trung-Doan 42/ BB

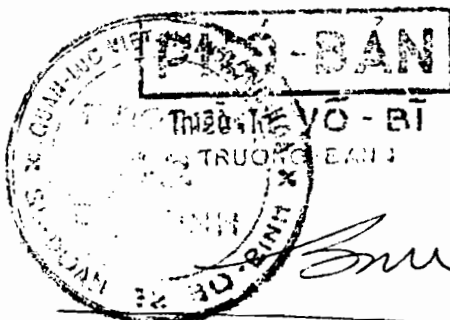
(Ky ten: NGUYEN-HUU-THONG)

NOI-NUAT:

- Đại-Đoàn CHCV/42.
- "Đề thi hành"
- Ban 1/42 (HBP + TQT)

BAY SAC KIEM GOI:

- Bó TTN/P.TQT - TT.HSON/CLQ.
- BTL/QNII/P.TQT.
- BTL/SD22BB/P.TQT.
- "Đề kinh tương"
- Hó só
- Lưu chiểu./-



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT 13/P3

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn: 20Thị xã, Quận: 11Thành phố, Tỉnh: HCM

BẢN SAO

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Số 14Quyển số 01/86

	VỢ	CHỒNG
HỌ VÀ TÊN	HOÀNG THỊ THI	MAI NGỌC PHÁCH
Bí danh		
Sinh ngày	1959	1948
tháng năm		
hay tuổi		
Quê quán		
Nơi đăng ký	8/2 An Tôn, Phường 6, Tân Bình	15 ^U Lạc Long Quân, Phường 20
thường trú		Quận 11
Nghề nghiệp	Sinh viên	Tổ hợp
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Số CMND	020997310	022292290
hoặc hộ chiếu		

Đã ký, ngày 19 tháng 9 năm 1986

TM/UBND P.20, Q.11 Ký tên đóng dấu

(Chỉ rõ họ tên, chức vụ)

Chủ tịch

(Đã ký)

LÊ ĐÌNH TÂM

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 6 tháng 10 năm 89

TM/UBND P.20, Q.11 Ký tên đóng dấu



ỦY VIÊN THỦ KÝ

Phạm Tăng

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ	
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	
T-H	

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập — Tự do — Hạnh phúc	
GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số: 576857 CN	
Họ và tên chủ hộ: <i>Mai Đại Giang</i>	
Ấp, ngõ, số nhà: <i>15 U</i>	
Thị trấn, đường phố: <i>học Long Quận</i>	
Xã, phường: <i>20 5</i>	
Huyện, quận: <i>14</i>	
Ngày <i>10</i> tháng <i>3</i> năm <i>1982</i> Trưởng công an <i>Quận 11</i> (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)	
	
<i>Đỗ Văn Nguyên Căn</i>	
Số NK 3	

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ									
Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Mai Đại Quang	Chủ hộ	nam	1918	020726.645		01.10.1976		
2	Nguyễn Thị Nguyễn	vợ	nữ	1920	020854640		01.10.1976		
3	Mai Xuân Thị Ngọc	con	nữ	1954	020726.692	Đet vai	01.10.1976	12/3/1996	
4	Trần Mai Nga	cháu	nữ	23.11.1980			05.12.1980	12/3 (3-1)	
5	Mai Ngọc Phách	con	nam	12-2-1948	0202279		1-12-1985	ĐẠI TẾ CAPON	
6	Hoàng Thị Chi	con dâu	nữ	1959	020997310		01-02-1988		
7	Mai Ngọc Ý	cháu	nữ	30-1-88			6-5-88		
CHỨNG THỰC SỞ / VP/UB SỞ Y BAN CHANH ĐỀ BỐ TÚ CHỖ SỐ Ngày 6 tháng 12 năm 1988 TM. UBND PHƯỜNG 090.11 CHỦ TỊCH									

CHỨNG THỰC SẴ: _____ VP/UB

SAO Y BAN CHANH

~~ĐỀ BỒ TÚC HỒ SƠ~~

Ngày 6 tháng 6 năm 19...

TM.UBND	PHUONG 050.11
---------	---------------

CHỦ TỊCH



ĐIỀU 50

Ủy ban Lao động Việt Nam

515/GR

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập tự do hạnh phúc

GIẤY RA CHAI

Theo thông tư số 96 TC/TT ngày 31/3/1965 của Bộ Nội vụ

thực hiện quyết định của Hội đồng Bộ trưởng ngày 01 tháng 01 năm 1960

Đã cấp giấy cho anh

Họ và tên khai sinh:

Mai Ngọc Phách

Họ tên thường gọi:

Họ tên bí danh:

Sinh ngày: 12/02/1948

Nơi sinh:

Hà Nam

Nơi làm việc trước khi bị bắt: 15 Thủ lĩnh, Lạc Long Quân

Quận II, thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ: trung úy sĩ quan điều hành nhà văn nghệ

Đã bắt ngày: 11/05/1975 ở phát 10 năm 1975

Theo quyết định số 89 ngày 01 tháng 11 năm 1980

của Bộ Nội vụ

Hay và ở trú tại như trú quán-quản cho 12 tháng

MIỄN XẾ THẢI ĐỘ CẢI TẠO

Đã thấy được tính vụ việc của chế độ mới, nhận rõ được lỗi lầm trước đây làm tay sai cho Mỹ ngụy, tư tưởng an tâm, có chiều hướng cải tạo tiến bộ, trong lao động có nhiều cố gắng hoàn thành chỉ tiêu và định mức, thái độ cải tạo tương đối nghiêm túc, nắm vững hiểu được bài. Chấp hành nội quy kỷ luật của trại chưa thấy sai phạm lớn. Trong thời gian cải tạo, đã được xếp vào loại khá - tốt nên, cấp phương tiện tạo

Đã tay ngón trở phải

Quê: Mai Ngọc Phách

Đang làm số: 1723

Trú tại: 04/01/1980

Đã tên chủ lý

Người được cấp giấy

Ngày 08/01/1980

Chức vụ:

Mai Ngọc Phách

Thiếu tá: Võ Văn



CHỨNG THỰC SỞ: _____ VP/UB

SAO Y BẢN CHÁNH

ĐỀ ĐỒ TÚC HỒ SƠ

Ngày 6 tháng 10 năm 1987

TM. UBND PHƯỜNG 052.11

CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THỦ KÝ

Phạm Hùng

Phạm Hùng



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG MINH NHÂN DÂN

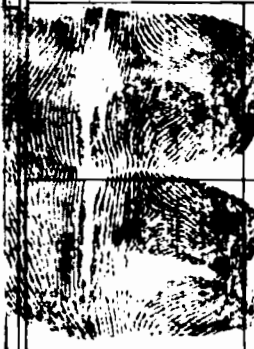
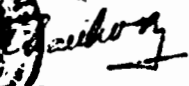
Số: 022/02290

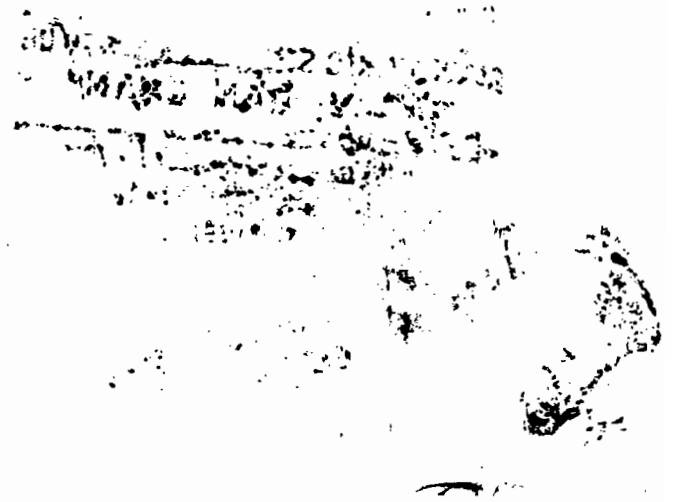
Họ tên **MAI NGỌC PHÁCH**

Sinh ngày 12-02-1948

Nguyên quán Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú 15V Lạc Long Quân
P.20, Q.11, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo chạm c, 3cm trên trước đầu mả phải	
		tháng 5 năm 1964	
		ĐIỀU TRƯỞNG TỶ CÔNG AN	
		 Phan Văn	



CHỨNG THỰC SỞ: VP/UB
SAO Y BÀN CHÁNH
ĐỀ BỐ TÚC HỒ SƠ

Ngày 6 tháng 12 năm 1979

TM. UBND PHƯỜNG 050.11

CHỦ TỊCH



ỦY VIÊN TỈNH KỶ

Ub

Phạm Tùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020997310**

Họ tên: **HOÀNG THỊ THI**

Sinh ngày: **15-7-1959**

Nơi ở: **quận Cao Xá,**

Phố CH. Hai Hưng.

Mở phòng trọ **8/2 An Tôn,**

T. Bình, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách lem
đuôi sau đuôi mắt
trái.

NGON TRO TRAI

NGON TRO PHAI

Ngày 28 tháng 5 năm 1979

TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÒNG CS

Phạm Văn Sơn
Thay mặt

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet-nam

BƯU CHÍNH

Service des Postes



GIẤY BÁO

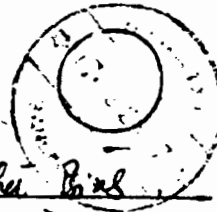
Avis de (2)

Hoàn lại bằng máy bay
PAR AVION

Réception
Trả tiền
Payement

BĐ. 29
(29 và 29a cũ)
C. 5

Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
timbre du bureau
renvoyant l'avis



Địa chỉ (Adresse) Mai - Sơn - Phả, 15^u Phố Bình
Lam Sơn, Quận 11, TP/ Hồ - Chí - Minh
(và) nước (Pays) Việt Nam

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ «Hoàn lại bằng máy bay»
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente «Renvoi par avion»
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh (Par avion).
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue «Par avion».
- (2) Cách bỏ phần không thích hợp (Rayer ce qui ne convient pas)
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bureau cục gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số
Envoi recommandé

Ký gửi tại Bureau cục
déposé au bureau de poste de

Saigon

ngày
le

5, 8, 1952 19

số
sous le no

54-6

Địa chỉ người nhận
Adresse du destinataire

131 Soitien Giang, Sois Sathorn road

Bangkok 12 Thailand

Chi & Bureau cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày
le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên Nhật ấn bưu cục nhận
Bureau cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire
Timbre du bureau
destinataire

16 AUG 1952

BÍ CHỮ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký & được ủy quyền.
Nếu phát chậm ghi lý do như & người nhận báo lần thứ 3 mới đến.

VIET NAM CONG HOA
QUAN LUC VIET NAM CONG HOA
QUAN DOAN II
SU DOAN 22 BO BINH
TRUNG DOAN 42
BO CHI HUY / BAN 1

4
7 U VU VAN THU

Số : 14035 /TRD42/1/BN1

TRICH YEU :- V/v Bo nhien chuc vu Si-quan.

THAM CHIEU :- HTTT so 620-400 ngay 15-02-1965.

- I.- De hop thuc hoa, ke tu ngay 16-04-1973 Trung-uy/TB
MAI-NGOC-PHACH Sq. 68/143.145 CMOS : (CV) 330.0 được cu
giu chuc vu si-quan Dieu-hanh nhan vien thuoc Ban 1/TRD42BB.
- II.- Su Vu Van Thu nay phai được ghi chu va ghop vao ho so ca-
nhân của Si-quan duong-su./-

ViD. 48.42, ngay 01 thang 12 nam 1973

Đại-Ta NGUYEN-HUU-THONG
Trung-Doan Truong Trung-Doan 42/ BB

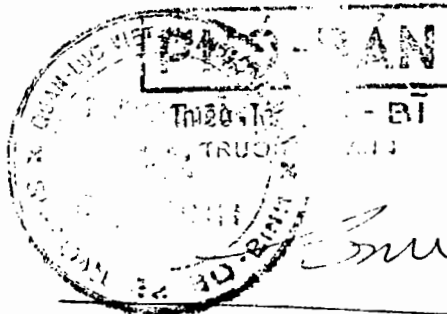
(Ky ten: NGUYEN-HUU-THONG)

NOI NHAN:

- Đại-Đoai CHCV/42.
- "De thi hanh"
- Ban 1/42 (HBP + VTBB)

BAN SACH KINH GOI :

- Bó TTW/P.TQT - TT.HSON/CLC.
- BTL/GHII/P.TQT.
- BTL/S022BB/P.TQT.
- "De kinh tuong"
- Ho so
- Lưu chieu./-



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Xã, phường 5Số 387Huyện, Quận 11Quyển số 01Tỉnh, Thành phố HCM

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên : MAI NGOC Ý Nam hay nữ : NỮNgày, tháng năm sinh : Ba mươi, tháng giêng, một chín tám tám(30/01/1988)Nơi sinh : Bệnh viện Hùng VươngDân tộc : Quốc tịch :

Phân khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên :	<u>HOÀNG THỊ THI</u>	<u>MAI NGOC PHÁCH</u>
Tuổi :	<u>1959</u>	<u>1948</u>
Dân tộc :	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch :	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp :	<u>Bác sỹ</u>	<u>Tổ hợp</u>
Nơi thường trú :	<u>15 LL2</u>	
	<u>P.5, 2.11</u>	

5/87 QĐ 261/QĐ - NT

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, giấy chứng minh thư của người đứng khai :

MAI NGOC PHÁCH

NGƯỜI ĐỨNG KHAI

Đã ký ngày 11 tháng 02 năm 1988

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN P5, Q11

TL/CT - ỦY VIÊN THƯ KÝ

(Đã ký)

PHẠM TÙNG

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 6 tháng 6 năm 1988

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Tân Sơn Hòa
Huyện, Quận _____
Tỉnh, Thành phố _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số 997
Quyển số 1969



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên : HOÀNG THỊ THỊ Nam hay nữ : NỮ
Ngày, tháng năm sinh : Mười lăm, tháng bảy, đi năm một nghìn chín trăm một
chín.
Nơi sinh : Tân Sơn Hòa, Gia Định
Dân tộc : _____ Quốc tịch : _____

Phân khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên :	<u>TRẦN THỊ HOAN</u>	<u>HOÀNG VĂN MẠCH</u>
Tuổi :	<u>27 tuổi</u>	<u>30 tuổi</u>
Dân tộc :		
Quốc tịch :		
Nghề nghiệp :	<u>Làm ruộng</u>	<u>Đảm rẫy</u>
Nơi thường trú :	<u>Tân Sơn Hòa, Gia Định</u>	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, giấy chứng minh thư của người đứng khai :

HOÀNG VĂN MẠCH

NGƯỜI ĐỨNG KHAI

Đã ký ngày 15 tháng 7 năm 1970
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký)
ĐỖ HỮU HẢI

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 6 tháng 10 năm 1982

T/M UBND

Ký tên, đóng dấu



Phạm Tường

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ-TƯ- PHÁP

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN

TÒA HOÀ- GIẢI
SAIGON

Lục sao y bản chánh đề tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

Số 3225 (1)

HTHY/10

Ngày 26 tháng 3 năm 19 58 (1)

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

MAI NGỌC PHÁCH

Năm một ngàn chín trăm 58 ngày 26 tháng 3 hồi 7 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN KHÁC DUNG Chánh-An Toà Hoà-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
NGUYỄN VĂN KHUÔNG phụ - tá

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.—

PHẠM VĂN KHANH

NGUYỄN TIÊM TIỀN

NGUYỄN VĂN QUANG

CHỨNG THỰC SỞ
SAO Y BẢN CHÁNH
ĐỀ BỐ TÚC HỒ SƠ

Ngày 6 tháng 10 năm 19 58

TH. UBND PHƯỜNG 05 Q. 11

CHỦ TỊCH

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

MAI NGỌC PHÁCH

sinh ngày 1.02.1948 tại An Nghĩa (Bùi Chu),

con của MAI AI DIANG và NGUYỄN TH. I NGON;

Phạm Hùng

Và duyên cớ mà chưa y không có thể xin sao-lục
khải-sanh được, là vì chưa y giao thông gián đoạn.

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-dơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,

Saigon, ngày 5 tháng 1 năm 19 67

CHÁNH-LỤC-SỰ,

GIÁ TIỀN : 5\$00

(1) Chỉ tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.

HUI-QUANG-NAM

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT 13/P3

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn: 20Thị xã, Quận: 11Thành phố, Tỉnh: HCM

BẢN SAO

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Số 14Quyển số 01/86

	VỢ	CHỒNG
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>HOÀNG THỊ THỊ</u>	<u>MAI NGỌC PHÁCH</u>
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>1959</u>	<u>1948</u>
Quê quán		
Nơi đăng ký thường trú	<u>4/2 An Tân, Phường 4, Tân Bình</u>	<u>15 Lạc Long Quân, Phường 20 Quận 11</u>
Nghề nghiệp	<u>Sinh viên</u>	<u>Tổ hợp</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh Việt Nam</u>	<u>Kinh Việt Nam</u>
Số CMND hoặc hộ chiếu	<u>020997310</u>	<u>022292290</u>

Đăng ký, ngày 19 tháng 9 năm 1986TM/UBND P.20, Q.11 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Chủ tịch

(Đã ký)

LÊ BÌNH TÂM

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 6 tháng 10 năm 86TM/UBND P.20, Q.11 Ký tên đóng dấu

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

T-H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 576857 CN

Họ và tên chủ hộ: Mai Đại Giang

Ấp, ngõ, số nhà: 15 U

Thị trấn, đường phố: Lạc Long Quân

Xã, phường: 28 5

Huyện, quận: 11

Ngày 10 tháng 3 năm 1978

Trưởng chi khu Quận 11

Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên



Số NK 3

Mai Văn Nguyên (Bản)

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Mai Thị Giem	Con dâu	Nữ	1918	020726.645		01.10.1976		
2	Nguyễn Thị Ngọc	Con	Nữ	1920	020854.640		01.10.1976		
3	Mai Xuân Thị Ngọc	Con	Nữ	1954	020.726.692	Đặt vai	01.10.1976	12/3/1985	
4	Trần Văn Ngọc	Con	Nữ	23.11.1980			05.12.1980	12/3 (3-11)	
5	Mai Ngọc Phách	Con	Nam	12.2.1948			1-12-1985	Đặt vai	
6	Trương Thị Chi	Con dâu	Nữ	1959	020997.310		01.02.1988		
7	Mai Ngọc Ý	Con	Nữ	30.1.18			6.5.88		

CHỨNG THỰC SỐ: VP/UB

SAO Y BẢN CHÁNH

ỦY BAN TÚC HỘ

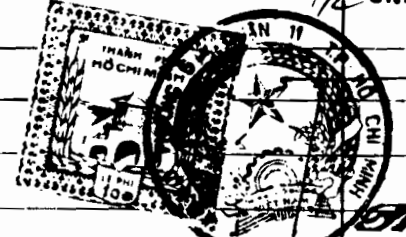
Ngày 5 tháng 10 năm 1985

TM. ỦY BAN PHƯỜNG 050.15

CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THỦ KÝ

Phạm Hùng



ĐIỀU 10

Quy định về quyền (Mục)

B' 515/GRT

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập tự do hạnh phúc

CHẤM RA CHẤM

Thư thông tư số 46 TC/TT ngày 31/1/1981 của Bộ Nội vụ
Thị trấn quy định định lệ, số 10 ngày 01 tháng 01 năm 1980

Căn cứ Bộ Nội vụ

Đang cấp giấy cho cho anh

Họ và tên khai sinh: HAI NGỌC PHÁCH

Họ tên thường gọi:

Họ tên bí danh:

Sinh ngày: 12/02/1948

Nơi sinh: Hà Nam

Nơi làm việc trước khi bị bắt: 15 km định, lạng long quân
Quận II, thành phố Hồ Chí Minh

Cán bộ: trung úy sĩ quan điều hành nhân viên ngục

Bị bắt ngày: 11/05/1975 số phát: 03 năm 1975

Thư quyết định số 89 ngày 11 tháng 1 năm 1980

Căn cứ Bộ Nội vụ

Đang và cư trú tại khu trú quán-quản chỗ 12 tháng

CHẤM KẾT THẤM ĐÓNG TẠO

Đã thấy được tình ra việc của chỗ đóng mới, nhận rõ được lỗi lầm
trước đây làm tay sai cho mỹ nguy, tư tưởng an tâm, có
chiều hướng cải tạo tiến bộ, trong lao động có nhiều cố gắng
hoàn thành chỉ tiêu và định mức, thái độ cải tạo tương đối
nghiêm túc, năng lực hiểu được bài. Chấp hành nội quy kỷ luật
của trại chưa thấy sai phạm lỗi. Trong thời gian cải tạo
trại được xếp vào loại khá - tốt nên, cấp phương tiện tạo

Căn cứ tay ngón trở phải

Quả: hai ngọc Phách

Sinh năm: 1948

Địa chỉ: 1723

Họ tên chủ lý

Người được cấp giấy

Ngày 08/01/1981

Chức vụ

Hai ngọc Phách



Thẩm tra: Võ Văn



INTAKE FORM (Two Copies)

MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : MAI - NGOC - PHACH
Last (Ten Ho) : MAI Middle (Giua) : NGOC First (Ten goi) : PHACH
DATE, PLACE OF BIRTH : 02 12 1948
(Nam, noi sinh) : Month (Thang) : Day (Ngay) : Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Nam Female (Nu) : Co
MARITAL STATUS : Single (Doc than) : Co Married (Co lap gia dinh) : Co
(Tinh trang gia dinh) :
ADDRESS IN VIETNAM : 15 U Lac - Long Quan Phuong 5 Quan 11 TP/Ho Chi Minh
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) Co No (Khong) Co
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 11-5-1975 To (Den) : 8-8-1980
PLACE OF RE-EDUCATION : XUYEN - MO C
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep) : tu chuc
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : Trung - Uy
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Trung - Uy
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : di quan Aien hau Nha vien
Date (nam) : Co
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : Co No (Khong) : chua
IV Number (So ho so) : chua
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : Hai (02)
(Ten than nhan theo tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 15 U Lac Long Quan Phuong 5 Quan 11 TP/HCM
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro) :
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : Co No (Khong) : Co
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu n tai VN) : MAI - NGOC PHACH
NAME & SIGNATURE : MAI - NGOC PHACH
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
DATE :
Month (Thang) : Day (Ngay) : Year (Nam)



5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
HOANG - THI - THI	15-7-1959	Wife
Mai - Ngoc - F	30-01-1988	Con girl

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI HỢP LON

ODP IV # _____

Date : _____

ngày : _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese

: Mail or send the completed questionnaire to :
: Gửi số câu hỏi này tới :

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt : Nếu bạn không đọc hoặc viết rành anh ngữ thì dùng tiếng Việt

12/ Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1- Name : MAI - NGOC - PHACH Sex : male.
Họ, tên : Phái:
2- Other Names : No.
Họ, tên khác :
3- Date/Place of Birth : 12. 02. 1948 Bui Chu.
Ngày/nơi sinh :
4- Residence Address : 15^U Lạc Long Quân Phường 5 Quận 11 TP/HCM.
Địa chỉ thường trú :
5- Mailing address : HOANG - LUC - LY.
Địa chỉ thư từ :
6- Current occupation : private worker.
Nghề nghiệp hiện tại :

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi :

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D) Widowed (W) or single (S))

(CHÚ Ý : Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Xếp loại tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), ly dị (D), góa phụ/góa tử (W) hoặc độc thân (S))

Name Họ, tên	Date of Birth Ngày/tháng/năm/sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relation Liên hệ gia đình
1- HOANG - THI - THI	15.7.1959	Gia Định	female		wife.
2- MAI - NGOC - Y	30.01.1988	Hồ Chí Minh City	female		daughter.
3-					
4-					
5-					
6-					
7-					
8-					

C. Relatives Outside Vietnam/Ho hàng ở ngoài quốc

Of Myself/của tôi : Of My spouse/của vợ/chồng :

1- Closest relative In the US

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. Name HOANG - LAM - LY.

Họ, tên

b. Relationship

Liên hệ gia đình Brother-in-law.

c. Address

Địa chỉ :

d. Date of relatives Arrival in the US

1984.

Ngày bà con đến Mỹ

2- Closest Relative in other Foreign countries

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name { ① MAI - PHU - THO

Họ, tên { ② HOANG - THI - NGOC - DZUNG.

b. Relationship

{ ① young brother.

Liên hệ gia đình { ② Sister-in-law.

c. Address

Địa chỉ

① Studienhaus St. Lambert 5482 BURG LANTERSBOFEN W. Germany.

② MALVERT 26-79 6538BC Nijmegen Holland.

D. Complete family Listing (Living/dead)/danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1- Father

Cha

MAI - DAI - GIANG (Living)

2- Mother

Mẹ

NGUYEN - THI - NGOC (Living).

3- Spouse

(Vợ/chồng)

HOANG - THI - THI (Living).

4- Former Spouse (If any)

Vợ/chồng trước (nếu có)

NO -

5- Children

Con cái : 1-

MAI - NGOC - Y (Living).

2-

3-

4-

5-

6- Siblings

Anh chị em : 1-

MAI - XUAN - THI - NGOC (Living).

2-

MAI - PHU - BINH (Living).

3-

MAI - PHU - THO (Living).

4-

5-

6-

7-

E. Employment by U.S. Government Agencies or other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

- no -

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính phủ Việt nam

- 1- Name of person serving **MAI - NGOC - PHACH**
Họ tên người tham gia
- 2- Dates : From **19-10-1968** To **30-4-1975**
Ngày, tháng, năm Từ Đến
- 3- Last Rank **Lieutenant** Serial number **68/143145**
cấp bậc cuối cùng Số thẻ nhân viên
- 4- Ministry/Office/Military Unit **Regiment 42, Division 22, ARMY**
Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng
- 5- Name of supervisor/C.O. **Colonel Nguyen - Han - Thong**
Họ tên người giám thị/sĩ quan chỉ huy
- 6- Reason for separation
Lý do nghỉ việc
- 7- Names of American Advisor (S)
Họ tên cố vấn Mỹ
- 8- U.S. Training courses in Vietnam
Chương trình huấn luyện Hoa kỳ, tại Việt Nam
- 9- U.S. Awards or Certificates
Name of award Date received :
Phần thưởng hoặc giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available ? Yes _____ No _____)

(Chú ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc chứng thư nếu có.
đương sự có không ? Có _____ Không _____)

G. Training Outside Vietnam of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoại quốc

H. Reeducation of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

- 1- Name of person in reeducation **MAI - NGOC - PHACH**
Họ tên người đi học tập cải tạo
- 2- Time in reeducation * From : **11-5-1975** To : **08-8-1980**
Thời gian học tập Từ Đến
- 3- Still in reeducation ? * Yes No
Vẫn còn học tập cải tạo * Có Không

* (If released, we must have a copy of your release certificate)

* (Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại).

Signature

Ký tên



Date 01/10/1989

Ngày

J. Please list here all documents attached to this questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. Giấy ra trại -
2. Bản Sao căn cước (Phải)
3. " " Căn cước (Thi)
4. Bản Sao hôn thú
5. Tờ khai qua đèo (Hộ khẩu)
6. Bản Sao khai sinh (Phải)
7. Bản Sao khai sinh (Thi)
8. Bản Sao khai sinh (Y)
9. Hình những người xin đi
10. Bản Sao hồ sơ của bản thân chuyển hồ sơ năm 1982
11. Bản Sao bị vu vạ thư bỏ nhiệm vụ (Hải quân Phải)

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date : _____

Ngày : _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese

: Mail or send the completed questionnaire to :
: Gửi số câu hỏi này tới :

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt : Nếu bạn không được hoặc viết rành anh ngữ thì bằng tiếng Việt

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1- Name	:	MAI-NGOC-PHACH	Sex : Male.
Họ, tên	:		Phái:
2- Other Names	:	NO.	
Họ, tên khác	:		
3- Date/Place of Birth	:	12. 02 - 1948. Bui Chu.	
Ngày/nơi sinh	:		
4- Residence Address)	:	15 U Lac - Long - Quan Phung 5 Quan 11 TP/HCM.	
Địa chỉ thường trú	:		
5- Mailing address	:	HOANG - LUU - LY	
Địa chỉ thư từ	:		
6- Current occupation	:	private worker.	
Nghề nghiệp hiện tại	:		

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi :

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D) Widowed (W) or Single (S))

(CHÚ Ý : Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn nê thôi. Kê khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W) hoặc độc thân (S)

Name Họ, tên	Date of Birth Ngày/tháng/năm/sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relati ship Liên hệ gia đình
1- HOANG THI THI	15. 7. 1959	GIA DINH	female		wife.
2- MAI - NGOC - Y	30. 01. 1988	HO CHI MINH CITY	female		daughter.
3-					
4-					
5-					
6-					
7-					
8-					

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở ngoại quốc

Of Myself/của tôi : Of My spouse/của vợ/chồng

1- Closest relative In the US

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. Name

HOANG - LUY - LY.

Họ, tên

b. Relationship

Liên hệ gia đình

Brother-in-law.

c. Address

Địa chỉ :

d. Date of relatives Arrival in the US

1984.

Ngày bà con đến Mỹ

2- Closest Relative in other Foreign countries

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

(1) Mai - PHU THO

Họ, tên

(2) HOANG THI NGOC DUNG

b. Relationship

(1) young Brother

Liên hệ gia đình

(2) Sister-in-law.

c. Address

(1) Studienhaus St. Lambert 5482 BURG LAUTERSHOFFEN W. Germany

Địa chỉ

(2) MALVERT 26-79 6538 BC Nijmegen Holland.

D. Complete family Listing (Living/dead)/danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1- Father

MAI - DAI - GIANG

(Living).

Cha

2- Mother

NGUYEN - THI - NGOC

(Living).

Mẹ

3- Spouse

HOANG - THI - THI

(Living).

(Vợ/chồng)

4- Former Spouse (If any)

NO.

Vợ/chồng trước (nếu có)

5- Children

Con cái : 1-

MAI - NGOC - Y

(Living).

2-

3-

4-

5-

6- Siblings

Anh chị em : 1-

MAI - XUAN - THI - NGO

(Living).

2-

MAI - PHU - BINH

(Living).

3-

MAI - PHU - THO

(Living).

4-

5-

6-

7-

3. Employment by U.S. Government agencies or other U.S. Organization or you or your Spouse/Bên hoặc vợ/chồng đã có lập việc cho công lý của chính phủ Mỹ hoặc hãng lý

No.

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse/Bên hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính phủ Việt nam

- 1- Name of person serving **MAI - NGOC - PHACH**
Họ tên người tham gia
- 2- Dates : From **19-10-1968** To **30. 4. 1975.**
Ngày, tháng, năm Từ Đến
- 3- Last Rank **Lieutenant** Serial number **68/143145.**
cấp bậc cuối cùng số thẻ nhân viên
- 4- Ministry/Office/Military Unit **Regiment 42, Division 22. ARMY.**
Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng
- 5- Name of supervisor/C.O. **Colonel Nguyễn - Hữu - Thông.**
Họ tên người giám thị/sĩ quan chỉ huy
- 6- Reason for separation
lý do nghỉ việc
- 7- Names of American Advisor (S)
Họ tên cố vấn Mỹ
- 8- U.S. Training courses in Vietnam
Chương trình huấn luyện Hoa kỳ tại Việt Nam
- 9- U.S. Awards or Certificates
Name of award Date received :
Phần thưởng hoặc giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available ? Yes _____ No _____)

(Chú ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc chứng thư nếu có.
đương sự có không ? Có _____ Không _____)

G. Training Outside Vietnam of you or your spouse/Bên hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoại quốc

H. Reeducation of you or your spouse/Bên hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

- 1- Name of person in reeducation **MAI - NGOC - PHACH**
Họ tên người đi học tập cải tạo
- 2- Time in reeducation A From : To :
Thời gian học tập Từ : **11. 5. 1975** Đến : **08. 8. 1980.**
- 3- Still in reeducation ? A Yes No
Vẫn còn học tập cải tạo A Có Không

A (If released, we must have a copy of your release certificate)

A (Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại).

I. Any additional remarks ?/Cúóc chú thíc khác :

Signature

Ký tên



Date 01/10/1989.

Ngày

J. Please list here all documents attached to this questionnaire

xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với sơ câu hỏi này

1. Giấy ra trại
2. Bản Sơ Cấn Cũ (Phước).
3. Bản Sơ Cấn Cũ (Thị).
4. Bản Sơ hôn thú.
5. Tờ khai gia đình (Hộ Khẩu).
6. Bản Sơ khai sinh (Phước).
- 7 - " " " " (Thị).
- 8 - " " " " (T).
9. Hông những người xin trí.
10. Bản Sơ Hội báo Cấn bản điện chươn hồ sơ năm 1982.
11. Bản Sơ sự vụ văn thư bổ nhien chức vụ (Mangạc Phách).

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
X ODP/Date 4-7-89
____ Membership; Letter

3/19/89

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; Letter

11/29/89